

Số: 3663 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế, giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Bí thư về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy Hải Phòng triển khai Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Bí thư về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 240/TTr-SYT ngày 31 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển

khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong việc triển khai thực hiện Quyết định, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề phát sinh (nếu có). Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố đưa chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế vào Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm và dài hạn của thành phố.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến việc phát triển đối tượng tham gia, đóng bảo hiểm y tế và tổ chức triển khai thực hiện, hướng đến đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030.

c) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố trong việc quản lý, giám sát công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối, liên thông dữ liệu phục vụ quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và thực hiện chính sách bảo hiểm y tế theo quy định.

đ) Chủ trì kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá việc thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách liên quan đến việc phát triển đối tượng tham gia đóng bảo hiểm y tế.

b) Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí đầy đủ, kịp thời ngân sách thành phố, huy động các nguồn lực phù hợp để hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố theo quy định. Trong đó, tập trung hỗ trợ thêm cho các đối tượng đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định: người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật; nhân viên y tế thôn, khu dân cư; cô đỡ thôn, khu dân cư; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa; nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp

luật chưa được hưởng chính sách bảo hiểm y tế để tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng này.

Khuyến khích hỗ trợ một số đối tượng khác trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để đạt mục tiêu 100% các đối tượng này tham gia bảo hiểm y tế.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; đổi mới hình thức, nội dung, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện bảo hiểm y tế trong giai đoạn mới đề cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức và người dân nắm rõ hơn về ý nghĩa, tính nhân văn, tầm quan trọng của bảo hiểm y tế và trách nhiệm chung tay của mỗi người dân trong việc tham gia bảo hiểm y tế, đẩy mạnh tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình.

b) Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

c) Tăng cường công tác giám định, kiểm soát chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đảm bảo sử dụng hiệu quả Quỹ bảo hiểm y tế.

d) Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành ổn định Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật bảo hiểm y tế về đóng bảo hiểm y tế tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động; xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ 06 tháng sơ kết, đánh giá và kịp thời thông tin, báo cáo các cấp, các ngành về kết quả triển khai thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; định kỳ ngày 31 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định này về Sở Y tế để báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch, triển khai các giải pháp thực hiện bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên, bảo đảm đến năm 2030 có 100% học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên quan phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế, đặc biệt là sinh viên.

5. Sở Nội vụ

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

rà soát, xác định, lập danh sách đầy đủ, kịp thời các nhóm đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm y tế theo quy định; phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội trong việc cập nhật, đối chiếu thông tin.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động các đối tượng thuộc phạm vi quản lý tham gia bảo hiểm y tế để tiến tới đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội thành phố tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật chưa được hưởng chính sách bảo hiểm y tế để tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng này.

b) Chỉ đạo việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

c) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động các đối tượng thuộc phạm vi quản lý tham gia bảo hiểm y tế để tiến tới đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội thành phố tham mưu, đề xuất cơ chế hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế đối với người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa theo quy định của pháp luật chưa được hưởng chính sách bảo hiểm y tế để tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của các nhóm đối tượng này.

b) Chỉ đạo việc xác định, lập danh sách kịp thời, đầy đủ các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

c) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động các đối tượng thuộc phạm vi quản lý tham gia bảo hiểm y tế để tiến tới đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2030.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo tham gia bảo hiểm y tế; lồng ghép mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chính

sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố theo quy định.

9. Công an thành phố, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

Tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm y tế đối với các nhóm đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm duy trì tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% đối với các nhóm đối tượng này.

10. Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng

a) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động các đối tượng thuộc phạm vi quản lý tham gia bảo hiểm y tế.

b) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế tại các doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, thông tin, kiến nghị xử lý các trường hợp chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ chỉ tiêu tại Quyết định này, đưa chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế vào Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn của địa phương; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Xây dựng kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện để đạt chỉ tiêu được giao; phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan trong việc rà soát, đối chiếu thông tin về người lao động, đơn vị sử dụng lao động và việc đóng bảo hiểm y tế; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế; vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế tại địa phương; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Y tế) để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế, Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở:

Y tế, Tài chính, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Giám đốc Công an thành phố; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Thủ tướng Chính phủ;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND thành phố;
 - Chủ tịch UBND thành phố;
 - Các PCT UBND thành phố;
 - Ủy ban MTTQ VN thành phố;
 - CVP, PCVP Nguyễn Thanh Hùng;
 - Các phòng: VX, NV&KTGS, TC;
 - Lưu: VT, T. V. Hải.
- } (để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Trọng Đức

PHỤ LỤC
Chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế cho các xã, phường, đặc khu
trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu giao bao phủ bảo hiểm y tế (%)				
		Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ (%)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Phường An Biên	96.055	91.733	95,5	95,5	96,5	97,5	98,5	100
2	Phường An Dương	69.664	66.290	95,2	95,7	96,8	97,5	98,5	100
3	Phường An Hải	62.043	58.941	95,0	95,5	97,5	98,5	99,0	100
4	Phường An Phong	40.895	38.907	95,1	96,8	97,0	98,0	99,0	100
5	Phường Bạch Đằng	45.936	43.847	95,5	96,0	97,0	98,0	99,0	100
6	Phường Bắc An Phụ	22.780	21.020	92,3	95,5	96,5	97,5	98,5	100
7	Phường Chu Văn An	53.977	51.442	95,3	95,8	96,5	97,5	98,5	100
8	Phường Chí Linh	31.372	29.803	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
9	Phường Dương Kinh	27.068	25.850	95,5	96,6	97,6	98,6	99,6	100
10	Phường Gia Viên	98.807	94.953	96,1	96,5	97,5	98,5	99,5	100
11	Phường Hòa Bình	43.449	41.658	95,9	96,5	97,2	98,0	99,0	100
12	Phường Hưng Đạo	37.567	35.877	95,5	96,0	97,0	98,0	99,0	100
13	Phường Hải An	100.116	95.711	95,6	96,8	97,6	98,5	99,5	100
14	Phường Hải Dương	44.249	42.037	95,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
15	Phường Hồng An	56.541	53.714	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
16	Phường Hồng Bàng	97.134	92.277	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
17	Phường Kinh Môn	22.493	21.145	94,0	95,6	96,5	97,5	98,5	100
18	Phường Kiến An	65.236	62.300	95,5	96,0	97,0	98,0	99,0	100
19	Phường Lê Chân	133.789	127.753	95,5	95,5	96,5	97,5	99,0	100
20	Phường Lê Thanh Nghị	73.314	70.015	95,5	95,8	97,0	98,0	99,0	100
21	Phường Lê Ích Mộc	49.114	47.108	95,9	96,0	96,5	97,5	98,5	100
22	Phường Lê Đại Hành	23.651	22.539	95,3	95,5	96,5	97,5	98,5	100

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu giao bao phủ bảo hiểm y tế (%)				
		Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ (%)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
23	Phường Lưu Kiếm	47.430	45.228	95,4	96,0	96,5	97,5	98,5	100
24	Phường Nam Triệu	36.482	34.660	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
25	Phường Nam Đồ Sơn	27.131	25.808	95,1	95,5	96,5	97,5	98,5	100
26	Phường Nam Đồng	23.411	22.246	95,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
27	Phường Nguyễn Trãi	15.447	14.721	95,3	95,5	96,5	97,5	98,5	100
28	Phường Nguyễn Đại Nãng	26.519	25.033	94,4	95,5	96,8	97,5	98,5	100
29	Phường Ngô Quyền	70.002	66.921	95,6	97,0	98,0	98,5	99,0	100
30	Phường Nhị Chiểu	43.799	41.462	94,7	96,0	96,5	97,5	98,5	100
31	Phường Phù Liễn	57.724	54.838	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
32	Phường Phạm Sư Mạnh	23.713	22.423	94,6	95,5	96,5	97,5	98,5	100
33	Phường Thiên Hương	42.202	40.588	96,2	96,2	96,7	97,5	99,8	100
34	Phường Thành Đông	48.487	46.442	95,8	96,2	97,0	98,0	99,0	100
35	Phường Thạch Khôi	30.634	29.102	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
36	Phường Thủy Nguyên	58.509	55.368	94,6	95,5	96,5	97,5	98,5	100
37	Phường Trần Hưng Đạo	34.608	32.532	94,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
38	Phường Trần Liễu	23.136	21.863	94,5	95,5	96,5	97,5	98,5	100
39	Phường Trần Nhân Tông	25.631	24.349	95,0	95,6	96,5	97,5	98,5	100
40	Phường Tân Hưng	40.434	38.485	95,2	96,0	96,5	97,5	98,5	100
41	Phường Tứ Minh	26.822	24.260	90,5	95,5	96,5	97,5	98,5	100
42	Phường Việt Hòa	29.268	27.040	92,4	96,0	96,5	97,5	98,5	100
43	Phường Ái Quốc	23.868	22.173	92,9	95,8	96,5	97,5	98,5	100
44	Phường Đông Hải	47.969	45.858	95,6	96,8	97,6	98,5	99,5	100
45	Phường Đồ Sơn	24.850	23.665	95,2	95,6	96,5	97,5	98,5	100
46	Xã An Hưng	23.091	22.114	95,8	96,5	96,9	97,5	98,5	100
47	Xã An Khánh	32.668	31.035	94,9	95,6	96,6	97,6	98,6	100
48	Xã An Lão	43.293	41.389	95,6	96,5	97,0	97,5	98,5	100

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu giao bao phủ bảo hiểm y tế (%)				
		Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ (%)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
49	Xã An Phú	30.386	28.819	94,8	95,6	96,5	97,5	98,5	100
50	Xã An Quang	28.486	27.061	95,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
51	Xã An Thành	25.300	23.485	92,8	97,0	97,8	98,0	99,0	100
52	Xã An Trường	30.256	28.783	95,1	95,5	96,6	97,7	98,9	100
53	Xã Bình Giang	32.578	30.250	92,9	95,5	96,5	97,5	98,5	100
54	Xã Bắc Thanh Miện	26.531	25.205	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
55	Xã Chí Minh	29.475	27.412	93,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
56	Xã Chấn Hưng	25.931	24.612	94,9	95,5	96,5	97,5	98,5	100
57	Xã Cẩm Giang	33.550	30.998	92,4	95,5	96,5	97,5	98,5	100
58	Xã Cẩm Giàng	30.128	28.622	95,0	96,5	97,0	98,0	99,0	100
59	Xã Gia Lộc	46.144	43.375	94,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
60	Xã Gia Phúc	39.965	37.967	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
61	Xã Hà Bắc	32.263	30.973	96,0	96,5	97,0	97,5	98,5	100
62	Xã Hà Nam	24.408	23.187	95,0	95,8	96,5	97,5	98,5	100
63	Xã Hà Tây	30.382	28.862	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
64	Xã Hà Đông	29.119	27.897	95,8	96,0	97,5	98,0	98,5	100
65	Xã Hùng Thắng	25.196	24.062	95,5	96,0	97,0	98,0	99,0	100
66	Xã Hải Hưng	24.496	22.905	93,5	95,5	96,5	97,5	98,5	100
67	Xã Hồng Châu	32.466	30.843	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
68	Xã Hợp Tiến	19.265	18.340	95,2	95,7	97,5	98,5	99,5	100
69	Xã Khúc Thừa Dụ	29.866	28.433	95,2	95,5	97,5	98,5	99,0	100
70	Xã Kim Thành	42.405	41.138	97,0	97,8	98,4	98,9	99,4	100
71	Xã Kiến Hưng	27.868	26.475	95,0	98,0	98,3	98,5	99,0	100
72	Xã Kiến Hải	43.612	42.303	97,0	97,5	98,0	98,5	99,0	100
73	Xã Kiến Minh	24.356	23.382	96,0	97,5	98,0	98,5	99,0	100
74	Xã Kiến Thụy	34.745	33.008	95,0	98,0	98,5	99,0	99,5	100

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu giao bao phủ bảo hiểm y tế (%)				
		Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ (%)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
75	Xã Kê Sắt	38.062	36.060	94,7	95,5	96,5	97,5	98,5	100
76	Xã Lai Khê	38.087	36.183	95,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
77	Xã Lạc Phụng	26.258	23.015	87,6	95,5	96,5	97,5	98,5	100
78	Xã Mao Điền	39.155	37.197	95,0	96,0	97,0	98,0	98,5	100
79	Xã Nam An Phụ	24.075	22.642	94,0	95,5	96,7	97,9	98,5	100
80	Xã Nam Sách	32.483	31.314	96,4	97,0	98,0	98,5	99,0	100
81	Xã Nam Thanh Miện	33.320	31.659	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
82	Xã Nghi Dương	23.279	22.576	97,0	98,6	98,8	99,0	99,5	100
83	Xã Nguyên Giáp	25.201	23.790	94,4	95,5	97,0	98,2	99,3	100
84	Xã Nguyễn Bình Khiêm	24.344	23.370	96,0	97,0	98,0	98,5	99,0	100
85	Xã Nguyễn Lương Bằng	33.159	29.918	90,2	95,5	97,1	97,8	98,8	100
86	Xã Ninh Giang	34.085	32.381	95,0	96,0	96,5	97,5	98,5	100
87	Xã Phú Thái	41.701	39.224	94,1	95,6	96,8	97,8	98,8	100
88	Xã Quyết Thắng	21.461	20.387	95,0	96,5	97,2	97,8	98,5	100
89	Xã Thanh Hà	32.707	27.348	83,6	95,5	96,5	97,5	98,5	100
90	Xã Thanh Miện	41.766	39.678	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
91	Xã Thái Tân	18.070	17.088	94,6	96,0	97,0	98,0	99,0	100
92	Xã Thượng Hồng	24.115	22.909	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
93	Xã Tiên Lãng	35.790	34.358	96,0	97,5	98,0	99,0	99,5	100
94	Xã Tiên Minh	35.236	33.474	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
95	Xã Trường Tân	28.508	27.083	95,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
96	Xã Trần Phú	35.225	33.466	95,0	96,0	96,7	97,7	99,0	100
97	Xã Tuệ Tĩnh	25.694	24.538	95,5	96,0	97,5	98,2	99,0	100
98	Xã Tân An	26.200	24.900	95,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
99	Xã Tân Kỳ	37.271	33.465	89,8	95,5	96,5	97,5	98,5	100
100	Xã Tân Minh	31.669	29.955	94,6	95,5	96,5	97,5	98,5	100

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu giao bao phủ bảo hiểm y tế (%)				
		Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ (%)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
101	Xã Tứ Kỳ	33.429	31.524	94,3	95,5	96,6	97,8	98,9	100
102	Xã Việt Khê	38.042	35.759	94,0	95,5	96,5	97,5	98,5	100
103	Xã Vĩnh Am	34.562	33.179	96,0	98,0	99,0	99,2	99,5	100
104	Xã Vĩnh Bảo	38.914	37.162	95,5	96,0	96,5	97,5	98,5	100
105	Xã Vĩnh Hòa	23.425	22.488	96,0	97,0	97,5	98,0	98,5	100
106	Xã Vĩnh Hải	30.887	29.652	96,0	96,3	97,2	98,6	99,4	100
107	Xã Vĩnh Lại	35.229	33.820	96,0	97,0	97,5	98,0	98,5	100
108	Xã Vĩnh Thuận	28.776	27.300	94,9	95,5	96,5	97,5	98,5	100
109	Xã Vĩnh Thịnh	26.065	25.022	96,0	97,0	97,5	98,0	98,5	100
110	Xã Yết Kiêu	30.367	29.000	95,5	96,0	97,0	98,0	99,0	100
111	Xã Đường An	33.882	31.850	94,0	96,0	97,0	98,0	99,0	100
112	Xã Đại Sơn	27.729	25.927	93,5	95,5	96,5	97,5	98,5	100
113	Đặc khu Cát Hải	33.097	33.097	100	100	100	100	100	100
114	Bạch Long Vĩ	1.170	1.170	100	100	100	100	100	100
Thành phố Hải Phòng					95,5	96,5	97,5	98,5	100